TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 658/2020/HS-ST
Ngày 30-11-2020

NHDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHDÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi;

2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nHdân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nHdân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 632/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 676/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo Mạnh Xuân H, sinh năm: 1975 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn Ng, huyện CL, tỉnh HT; Chỗ ở trước khi bị bắt:Nhà trọ khu phố LĐ 1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạnh Xuân Tr và con bà Lê Việt X; bị cáo có vợ tên Phan Thị D, sinh năm: 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án:

- Tại Bản án số 86/2018/HS-ST ngày 15/3/2018, Tòa án nHdân thành phố Biên Hòa xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Tại Bản án số 262/2018/HS-ST ngày 08/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 129/HSST ngày 25/11/2002, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm doạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2020 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1966; cư trú tại: Khu phố LĐ, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Bùi Văn Ph, sinh năm: 1970; cư trú tại: phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN (vắng mặt tại phiên tòa).

2/ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1984; cư trú tại: phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Mạnh Xuân H và bà Lê Thị T có mối quan hệ quen biết với nhau nên thỉnh thoảng H có đến nhà bà T tại tổ 2A, khu phố Long Đức 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa và ngủ ở lại. Khoảng 18 giờ ngày 01/9/2020, H đi đến nhà bà T chơi và đến khoảng 21 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc bà T đi tắm H đã lấy trộm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60M5-2718 của bà T để trong ví trên tủ rồi cất giấu vào túi quần, sau đó ngủ lại nhà bà T. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, lợi dụng lúc bà T đi vào nhà vệ sinh thì H lén lút dắt trộm xe mô tô nhãn hiệu wave biển số 60M5-2718 đang dựng ở bếp, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe đi ra ngoài tẩu thoát. Trên đường đi H chạy xe vào tiệm cầm đồ "LP", ở khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa do ông Bùi Văn Ph làm chủ và cầm chiếc xe trên được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), có tiền H đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày H đi đến tiệm cầm đồ "AT", ở tổ 6, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa do ông Nguyễn Đức T làm chủ và nói cho ông Th biết có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 60M5-2718 đang cầm ở tiệm cầm đồ "Lam Phương" nên muốn bán xe và kêu ông Th cùng đến xem xe và thỏa thuận bán xe trên với số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), ông Th không biết xe do H trộm cắp được mà có nên đã đồng ý mua

và đưa tiền cho H trả tiền cầm xe cho ông Ph số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) còn lại H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô nhãn hiệu wave biển số 60M5-2718 và nghi ngờ Mạnh Xuân H đã trộm cắp nên bà T trình báo sự việc lên Công an phường Tam Phước lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Biết hành vi phạm tội không thể trốn tránh nên ngày 07/9/2020 Mạnh Xuân H đã ra Công an phường Tam Phước đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án: 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60M5-2718 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60M5-2718 ông Th đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để trả lại cho bà Lê Thị T là chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 402 ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản TP Biên Hòa đã kết luận: 01 xe mô tô tô nhãn hiệu Wave biển số 60M5-2718 có tổng giá trị định giá tài sản là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)

Về dân sự:

- Người bị hại bà Lê Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) mà H đã lấy của ông Th (hiện H chưa bồi thường).

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 626/CT-VKSBH ngày 26/10/2020 của Viện Kiểm sát nHdân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

- Mạnh Xuân H, về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Mạnh Xuân H 14 tháng đến 18 tháng tù.

- *Lời nói sau cùng*: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại là bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, Mạnh Xuân H đã có hành vi trộm cắp của bà Lê Thị T một xe mô tô nhãn hiệu wave biển số 60M5-2718 tại nhà tổ 2A, khu phố Long Đức 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa có giá trị tài sản là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) thì H bị phát hiện xử lý theo quy định.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Mạnh Xuân H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 626/CT-VKSBH ngày 26/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo bất chấp quy định của pháp luật lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Mặc dù, trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử về các tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục

phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố biên hòa xử phạt về các tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Bản án số 86/2018/HS-ST ngày 15/3/2018, và tại Bản án số 262/2018/HS-ST ngày 08/8/2018, chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60M5-2718 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60M5-2718 ôngTh đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để trả lại cho bà Lê Thị T là chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

- Người bị hại bà Lê Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) mà H đã lấy của ông Th là có cơ sở nên được chấp nhận

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Mạnh Xuân H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Mạnh Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Mạnh Xuân H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Mạnh Xuân H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 586 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Mạnh Xuân H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Mạnh Xuân H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Mạnh Xuân H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Ph vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nHdân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nHdân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt